| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 3 - KHÁNH HÒA**<br>**TỈNH KHÁNH HÒA** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 03/2025/DS-ST
Ngày 17-7-2025
*V/v tranh chấp về thừa kế tài sản*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - KHÁNH HÒA**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa

*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Lê Minh Cảnh

Bà Trần Thị Hoa

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Võ Thị Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3-Khánh Hòa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Khánh Hòa tham gia phiên tòa***: Ông Bùi Nguyên Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 143/2023/TLST-DS ngày 26/12/2023 về việc "Tranh chấp về thừa kế tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2025/QĐXXST-DS ngày 04/6/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2025/QĐST-DS ngày 24/6/2025 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1967

Địa chỉ: Số 12 L T K, tổ dân phố P B C 2, thị trấn D K, huyện D K, tỉnh Khánh Hòa (nay là số 12 L T K, tổ dân phố P B C 2, xã D K, tỉnh Khánh Hòa).

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1967

Địa chỉ: Thôn T 1, xã D Đ, huyện D K, tỉnh Khánh Hòa (nay là thôn T 1, xã D Đ, tỉnh Khánh Hòa).

Bà T có mặt tại phiên tòa.

* Bị đơn: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1931

Địa chỉ: Thôn 2, xã D P, huyện D K, tỉnh Khánh Hòa (nay là thôn 2, xã D Đ, tỉnh Khánh Hòa)

Bà S vắng mặt tại phiên tòa.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Phạm Thanh Th, sinh năm 1993
- Ông Bùi Hoàn Ph, sinh năm 1988

Địa chỉ: Số 12 L T K, tổ dân phố P B C 2, thị trấn D K, huyện D K, tỉnh Khánh Hòa (nay là số 12 L T K, tổ dân phố P B C 2, xã D K, tỉnh Khánh Hòa).

Bà Th, ông Ph vắng mặt tại tại phiên tòa (có đơn xin vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Huỳnh Thị T trình bày:*

Bà Nguyễn Thị H yêu cầu chia di sản thừa kế của chồng bà - ông Phạm Tr để lại gồm:

- ½ nhà và đất thuộc thửa đất số 55, tờ bản đồ số 33 tại thị trấn D K, huyện D K theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02064 do Ủy ban nhân dân huyện D K cấp ngày 24/9/2012 đứng tên ông Phạm Tr và bà Nguyễn Thị Thanh H. Nguồn gốc thửa đất là do vợ chồng bà H tạo lập và xây dựng nhà cấp 4 với diện tích khoảng 70m$^2$ trên thửa đất số 55, tờ bản đồ số 33 tại thị trấn D K từ năm 1999. Đây là tài sản chung của bà H và ông Tr.

- Số tiền 14.694.120 đồng (tính đến ngày 04/12/2023) trong tài khoản tiền gửi không kỳ hạn cán bộ lương Ngân sách của ông Phạm Tr tại số tại khoản 4703215002004 tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V N – Chi nhánh D K Khánh Hòa.

Chồng bà H - ông Tr (sinh năm 1967, chết ngày 29/10/2019) chết không để lại di chúc. Cha mẹ ông Tr là ông Phạm H1 (chết ngày 13/5/2017) và bà Nguyễn Thị S. Bà H và ông Tr có 01 người con chung là Phạm Thanh Th; ngoài ra, ông Tr không có con nuôi hay con riêng nào khác.

Sau khi chồng bà H qua đời thì bà H và con là Phạm Thanh Th đã đến gặp mẹ chồng để thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của ông Tr để lại nhưng bà S không đồng ý và không ký các thỏa thuận liên quan đến tài sản của các đồng thừa kế nên bà không tự giải quyết đối với các tài sản nêu trên. Nay bà H muốn bà và con có phần tài sản rõ ràng để thuận lợi cho việc xây dựng hay sửa chữa nhà về sau. Vì vậy mà bà H khởi kiện để yêu cầu Tòa án phân chia di sản thừa kế của ông Tr để lại theo quy định của pháp luật cho các đồng thừa kế của ông Tr gồm: ½ tài sản trong khối tài sản chung của bà và ông Tr đối với Quyền sử dụng đất (diện tích 403,9 m$^2$) và tài sản gắn liền với đất gồm nhà cấp 4, công trình, kiến trúc có trên đất và số tiền 14.694.120 đồng của ông Phạm Tr trong tài khoản số 4703215002004 tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V N - Chi nhánh D K Khánh Hòa. Bà H xin được nhận hiện vật nhà và đất vì hiện nay bà có ½ trong khối tài sản chung này và bà cùng với vợ chồng con gái đang sinh sống trên thửa đất tranh chấp; bà đồng ý thanh toán lại giá trị cho các đồng thừa kế theo quy định, tuy nhiên; con gái bà H là cháu Th đồng ý tặng kỷ phần thừa kế của Th được nhận cho bà H nên bà H sẽ thanh toán lại giá trị kỷ phần thừa kế của bà S theo quy định. Hiện nay trên thửa đất tranh chấp có bà H và vợ chồng con gái bà là Phạm Thanh Th và Bùi Hoàn Ph đang sinh sống trên đất. Các con của bà H chỉ sinh sống trên đất, không có đóng góp công sức, của cải gì trong khối tài sản chung của vợ chồng bà H, cũng không có trồng cây cối gì trên đất.

Đối với các công trình, vật kiến trúc trên thửa đất theo biên bản thẩm định mà bà H yêu cầu chia thừa kế đều là tài sản chung của bà H và ông Tr; sau khi ông Tr mất thì vào năm 2024, do nhà bị xuống cấp trầm trọng, sợ mùa mua đến bị dột, ngập nước nên bà H có bỏ ra một số tiền để sửa lại nhà, đối với số tiền bà H đã bỏ ra này thì bà H không tính vào công sức đóng góp của mình vì dù sao mục đích bả sửa cũng chỉ để cho bà và các con có chỗ ở ổn định. Đối với các cây trồng trên đất theo biên bản thẩm định là của bà H vì do bà H trồng, các cây trồng này bà H mới trồng sau

này cách đây khoảng 03 năm. Bà H đồng ý chịu toàn bộ chi phí tố tụng về xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

- *Tại các lời khai có tại hồ sơ vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thanh Th trình bày:* Bà thống nhất với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của mẹ bà - bà Nguyễn Thị Thanh H. Bà xác định tài sản thừa kế của ba bà - ông Tr để lại là ½ nhà và đất thuộc thửa đất số 55, tờ bản đồ số 33 tại thị trấn D K, huyện D K theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02064 do Ủy ban nhân dân huyện D K cấp ngày 24/9/2012 đứng tên ông Phạm Tr và bà Nguyễn Thị Thanh H. Nguồn gốc thửa đất là do ba mẹ bà tạo lập và xây dựng nhà cấp 4 với diện tích khoảng 70m$^2$ trên thửa đất số 55, tờ bản đồ số 33 tại thị trấn D K. Đây là tài sản chung của ba mẹ bà và số tiền 14.652.420 đồng trong tài khoản tiền gửi không kỳ hạn cán bộ lương Ngân sách của ông Phạm Tr tại số tại khoản 4703215002004 tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V N - Chi nhánh D K Khánh Hòa. Hiện nay, bà và chồng - ông Bùi Hoàn Ph đang sinh sống trên thửa đất số 55, tờ bản đồ số 33 tại thị trấn D K, huyện D K nhưng vợ chồng bà không có đóng góp tiền hay tài sản gì khác để xây dựng, sửa chữa nhà hoặc trồng cây cối đối với các tài sản gắn liền với đất đối với khối tài sản chung của ba mẹ bà. Đối với kỷ phần thừa kế mà bà được nhận từ di sản của cha bà để lại thì bà đồng ý tặng lại cho mẹ bà và bà không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án.

- *Tại các lời khai có tại hồ sơ vụ án, ông Bùi Hoàn Ph trình bày:* Ông thống nhất với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của mẹ vợ ông là bà bà Nguyễn Thị Thanh H. Ông đang sinh sống với vợ là bà Phạm Thanh Th trên thửa đất số 55, tờ bản đồ số 33 tại thị trấn D K, huyện D K, bản thân ông và vợ ông không có đóng góp tiền hay tài sản gì khác để xây dựng, sửa chữa nhà hoặc trồng cây cối đối với các tài sản gắn liền với đất đối với khối tài sản chung của ba mẹ vợ ông nên ông không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn bà Nguyễn Thị S nhưng vẫn không đến Tòa án làm việc, vẫn cố tình vắng mặt. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản, giấy tờ tài liệu cần thiết theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin vắng mặt)

- *Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3-Khánh Hòa*:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Đương sự đã chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của đương sự tại phiên tòa và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Điều 147, 157, 165, 227, 229, 244, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 159, 164, 169, 174 của Bộ luật Dân sự; các Điều 24, 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh H về việc chia di sản thừa kế của ông Phạm Tr. Di sản của ông Phạm Tr để lại chưa chia gồm: ½ trong

khối tài sản chung với bà Nguyễn Thị Thanh H là quyền sử dụng đất diện tích 403,9 $m^2$ (62$m^2$ đất ở; 341,9 $m^2$ đất cây lâu năm) tại thửa đất số 55, tờ bản đồ số 33 tại xã D K, tỉnh Khánh Hòa theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH02064 do Ủy ban nhân dân huyện D K, tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 24/9/2012 đứng tên ông Phạm Tr và bà Nguyễn Thị Thanh H; các tài sản gắn liền với thửa đất số 55, tờ bản đồ số 33 tại xã D K, tỉnh Khánh Hòa gồm: Căn nhà cấp 4 và các công trình, vật kiến trúc có trên đất; số tiền 14.652.420 đồng trong tài khoản tiền gửi không kỳ hạn cán bộ lương Ngân sách của ông Phạm Tr tại số tại khoản 4703215002004 tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V N - Chi nhánh D K Khánh Hòa. Về chia di sản thừa kế: Giao cho bà Nguyễn Thị Thanh H được quyền sử dụng, quản lý toàn bộ diện tích đất 403,9 $m^2$ (62$m^2$ đất ở; 341,9 $m^2$ đất cây lâu năm) tại thửa đất số 55, tờ bản đồ số 33 thửa đất số 55, tờ bản đồ số 33 tại xã D K, tỉnh Khánh Hòa và giao cho bà Nguyễn Thị Thanh H được quyền sở hữu các tài sản khác gắn liền với thửa đất số 55, tờ bản đồ số 33 tại thị trấn D K, huyện D K và số tiền 14.652.420 đồng trong tài khoản tiền gửi không kỳ hạn cán bộ lương Ngân sách của ông Phạm Tr tại số tại khoản 4703215002004 tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V N - Chi nhánh D K Khánh Hòa. Bà H có nghĩa vụ thanh toán tại 1/3 kỷ phần thừa kế của bà Nguyễn Thị S theo quy định. Về các phí: Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng, không yêu cầu bị đơn hoàn trả số tiền này. Xét đây là sự tự nguyện của nguyên đơn và không trái pháp luật nên ghi nhận.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị S, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Pham Thanh Th và ông Bùi Hoàn Ph vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai; căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành việc xét xử vắng mặt họ.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh H yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Phạm Tr trong khối tài sản chung với bà là nhà và đất thuộc thửa đất số 55, tờ bản đồ số 33 tại xã D K, tỉnh Khánh Hòa và số tiền trong tài khoản số 4703215002004 tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V N - Chi nhánh D K Khánh Hòa đứng tên ông Phạm Tr. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ pháp luật "*Tranh chấp về chia di sản thừa kế*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Về nội dung vụ án:

[3.1] Thời hiệu khởi kiện về thừa kế:

Ông Phạm Tí mất năm 2019, theo quy định tại Điều 623 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện chia di sản của ông Tr cho các đồng thừa kế vẫn còn theo quy định của pháp luật.

[3.2] Hàng thừa kế:

Ông Phạm Tr và bà Nguyễn Thị Thanh H là vợ chồng, có 01 người là Phạm Thanh Thảo, ông Tr cho cha là ông Phạm H1 (sinh năm 1927, chết năm 2017) và bà Nguyễn Thị S. Ông Phạm Tr chết năm 2019 không để lại di chúc. Vì vậy, những

người được hưởng di sản thừa kế của bà Phạm Tr thuộc hàng thừa kế thứ nhất và là người thừa kế theo pháp luật (theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015) gồm: bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị Thanh H và bà Phạm Thanh Th.

[3.3] Di sản thừa kế:

Nguyên nguồn gốc của thửa đất 55, tờ bản đồ số 33 diện tích 403,9m$^2$ (theo đo vẽ thực tế) tọa lạc tại thị trấn D K, huyện D K, tỉnh Khánh Hòa (nay là xã D K, tỉnh Khánh Hòa) do ông Phạm Tr và bà Nguyễn Thị Thanh H tạo lập từ năm 1999, được Ủy ban nhân dân huyện D K, tỉnh Khánh Hòa (cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN CH02064 ngày 24/9/2012 mang tên ông Phạm Tr và bà Nguyễn Thị Thanh H. Đối với các tài sản trên đất gồm nhà cấp 4 và các công trình, vật kiến trúc là do vợ chồng bà tạo lập trong thời kì hôn nhân trước khi ông Tr chết. Đối với số tiền trong tài khoản số 4703215002004 tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V N - Chi nhánh D K Khánh Hòa đứng tên ông Phạm Tr là số tiền lương của ông Tr trước khi chết còn lại.

Ông Phạm Tr sau khi chết để lại khối di sản gồm: ½ đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 55, tờ bản đồ số 33 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH02064 do Ủy ban nhân dân huyện D K, tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 24/9/2012 đứng tên ông Phạm Tr và bà Nguyễn Thị Thanh H và các tài sản gắn liền với thửa đất số 55, tờ bản đồ số 33 tại xã D K, tỉnh Khánh Hòa; số tiền trong tài khoản số 4703215002004 tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V N - Chi nhánh D K Khánh Hòa.

Do đó, yêu cầu của nguyên đơn về việc chia di sản thừa kế của ông Phạm Tr để lại là ½ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trong khối tài sản chung của ông Phạm Tr và bà Nguyễn Thị Thanh H thuộc thửa số 55, tờ bản đồ số 33 tọa lạc tại xã D K, tỉnh Khánh Hòa và số tiền trong tài khoản số 4703215002004 tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh D K Khánh Hòa phù hợp với quy định pháp luật.

[3.4] Chia di sản thừa kế:

Ông Phạm Tr chết không để lại di chúc nên di sản của ông để lại được chia theo quy định pháp luật.

Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ thì thửa đất số 55, tờ bản đồ số 33 tại xã D K, tỉnh Khánh Hòa có diện tích thực tế là 403,9m$^2$ (trong đó đất ở là 62m$^2$, đất trồng cây lâu năm (đất quả) là 341,9m$^2$. Tại biên bản định giá tài sản ngày 17/4/2025 của Hội đồng định giá tài sản xác định: đất ở có giá thị trường là 1.890.000đ/m$^2$, thành tiền là: 117.180.000 đồng; đất trồng cây lâu năm (đất quả) có giá thị trường là 820.000đ/m$^2$, thành tiền là 280.358.000 đồng. Đối với tài sản gắn liền với đất gồm: Căn nhà cấp 4 có cấu trúc: sảnh bê tông cốt thép, tường xây gạch dày 100+200, nhà sơn nước, mái tole, nền lát gạch men, trần thạch cao có diện tích xây dựng 112,6m$^2$, có giá trị 262.675.509 đồng; mái che có cấu trúc: mái lợp tole, nền láng xi măng có diện tích 61,5m$^2$ có giá trị 18.625.634 đồng; cổng có cấu trúc: sắt hợp tiêu chuẩn, trụ xây gạch, có diện tích 5md, có giá trị 8.716.507 đồng; tường rào (T1) có cấu trúc: hàng rào, trụ xây gạch, khung lưới B40, cao 1,8m, diện tích: 15,8md; có giá trị

8.761.368 đồng; tường rào (T2) có cấu trúc: hàng rào, tường xây gạch, son nước, cao 1,8m, diện tích: 19,5md có giá trị 5.697.525 đồng. Tổng giá trị đất và tài sản gắn liền với đất là 702.014.543 đồng. Như vậy, giá trị phần di sản của ông Phạm Tr được xác định là (702.014.543 đồng : 2) + 14.652.420 đồng = 365.659.692 đồng.

Bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị Thanh H, bà Phạm Thanh Th mỗi người được nhận một kỷ phần thừa kế có giá trị là 121.986.250 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Bà H có nguyện vọng được quản lý, sở hữu và sử dụng toàn bộ di sản của ông Tr để lại và có trách nhiệm thanh toán giá trị kỷ phần cho các đồng thừa kế khác. Đồng thừa kế khác bà Thảo có nguyện vọng tặng lại kỷ phần thừa kế của mình cho bà H, bà S vắng mặt không có ý kiến trình bày. Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà S đã có nơi ở ổn định, bà H hiện đang là người quản lý, sở hữu, sử dụng nhà và đất thuộc thửa đất số 55, tờ bản đồ số 33 tại xã D K, tỉnh Khánh Hòa; mặt khác tài sản này là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân nên giao toàn bộ di sản của ông Phạm Tr là ½ thửa đất số 55, tờ bản đồ số 33 tại xã D K, tỉnh Khánh Hòa và tài sản gắn liền với đất cho bà H được quản lý, sở hữu, sử dụng và cần buộc bà H phải có trách nhiệm thanh toán giá trị cho các đồng thừa kế khác được chia là phù hợp với quy định pháp luật. Bà Phạm Thanh Th có nguyện vọng được tặng lại kỷ phần thừa kế của mình cho bà H nên bà H chỉ thanh toán lại giá trị cho bà S.

[3.5]. Các cây trồng có trên đất: Quá trình giải quyết vụ án, Bà H thừa nhận các cây trồng theo như biên bản thẩm định và định giá tái sản tại chỗ gồm: 01 cây cam loại C, 01 cây mít loại C, 01 cây xoài ghép lại C, 01 cây chanh loại C là tài sản riêng của bà H vì do bà H mới trồng cách đây khoảng 03 năm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều xác định các cây trồng trên đất là của bà H. Xét thấy như biên bản định giá tài sản thì tất cả các cây trồng trên đều thuộc loại C, ông Tr chết năm 2019, do đó có căn cứ xác định các cây trông trên là tài sản của riêng bà H.

[4] Về thanh toán giá trị tài sản: Bà Nguyễn Thị Thanh H nhận kỷ phần của bà Nguyễn Thị S, bà Phạm Thanh Th bằng hiện vật có giá trị là 365.659.692 đồng. Bà Phạm Thanh Thảo có nguyện vọng được tặng lại kỷ phần thừa kế của mình cho bà H nên bà H chỉ thanh toán lại giá trị cho bà S là 121.886.564 đồng.

[5] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo vẽ và định giá tài sản là 14.900.000 đồng. Do yêu cầu chia thừa kế được chấp nhận và các đương sự đều được hưởng một phần di sản nên mỗi người chịu một phần chi phí tố tụng. Tuy nhiên, mguyên đơn bà H tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo vẽ, định giá tài sản trên. Xét đây là sự tự nguyện của nguyên đơn và không trái pháp luật nên ghi nhận.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị Thanh H, bà Phạm Thanh Th mỗi người được hưởng kỷ phần thừa kế có giá trị là 121.886.564 đồng nên mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là (121.886.564 đ x 5%) = 6.094.328 đồng. Bà H nhận kỷ phần thừa kế của bà Thảo được hưởng nên bà H phải chịu phần án phí của bà Th.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 609, Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 614, Điều 623, Điều 649, Điều 651, Điều 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh H về việc chia di sản thừa kế của ông Phạm Tr.

1.1 Xác định di sản của ông Phạm Tr để lại chưa chia gồm:

* ½ trong khối tài sản chung với bà Nguyễn Thị Thanh H gồm:

- ½ quyền sử dụng đất 403,9 $m^2$ (62$m^2$ đất ở; 341,9 $m^2$ đất cây lâu năm) tại thửa đất số 55, tờ bản đồ số 33 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH02064 do Ủy ban nhân dân huyện D K, tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 24/9/2012 đứng tên ông Phạm Tr và bà Nguyễn Thị Thanh H.

- ½ Các tài sản gắn liền với thửa đất số 55, tờ bản đồ số 33 tại xã D K, tỉnh Khánh Hòa gồm: Căn nhà cấp 4 và các công trình, vật kiến trúc có trên đất.

* Số tiền 14.652.420 đồng (tính đến ngày 26/5/2025) trong tài khoản tiền gửi không kỳ hạn cán bộ lương Ngân sách của ông Phạm Tr tại số tại khoản 4703215002004 tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V N - Chi nhánh D K Khánh Hòa.

Tổng giá trị di sản là 365.659.692 đồng.

1.2 Giao cho bà Nguyễn Thị Thanh H được quyền sử dụng, quản lý thửa đất số 55, tờ bản đồ số 33 tại thị trấn D K, huyện D K, tỉnh Khánh Hòa (nay là xã D K, tỉnh Khánh Hòa) có diện tích 403,9 $m^2$ (62$m^2$ đất ở, 341,9 $m^2$ đất cây lâu năm) (có bản vẽ kèm theo). Giao cho bà Nguyễn Thị Thanh H được quyền sở hữu các tài sản khác gắn liền với thửa đất số 55, tờ bản đồ số 33 tại thị trấn D K, huyện D K gồm:

- Căn nhà cấp 4 có cấu trúc: sảnh bê tông cốt thép, tường xây gạch dày 100+200, nhà sơn nước, mái tole, nền lát gạch men, trần thạch cao có diện tích xây dựng 112,6$m^2$;

- Mái che có cấu trúc: mái lợp tole, nền láng xi măng có diện tích 61,5$m^2$;

- Cổng có cấu trúc: sắt hợp tiêu chuẩn, trụ xây gạch, có diện tích 5md;

- Tường rào (T1) có cấu trúc: hàng rào, trụ xây gạch, khung lưới B40, cao 1,8m, diện tích: 15,8md;

- Tường rào (T2) có cấu trúc: hàng rào, tường xây gạch, sơn nước, cao 1,8m, diện tích: 19,5md;

(có bản vẽ kèm theo).

1.3 Giao cho bà Nguyễn Thị Thanh H được quyền sở hữu số tiền 14.652.420 đồng trong tài khoản tiền gửi không kỳ hạn cán bộ lương Ngân sách của ông Phạm Tr tại số tại khoản 4703215002004 tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh D K Khánh Hòa.

Bà Nguyễn Thị Thanh H có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng, quyền sở hữu đối với các tài sản nêu trên theo quy định.

**2.** Về thanh toán giá trị tài sản: Bà Nguyễn Thị Thanh H có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị S số tiền là 121.886.564đ *(Một trăm hai mươi mốt triệu tám trăm tám mươi sáu nghìn năm trăm sáu mươi bốn đồng*).

**3**. Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị Thanh H tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo vẽ, định giá tài sản là 14.900.000 đồng. Xét đây là sự tự nguyện của nguyên đơn và không trái pháp luật nên ghi nhận.

**4**. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị Thanh H phải nộp 12.188.656 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 12.000.000 đồng mà bà H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện D K (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 3 - Khánh Hòa) theo biên lai thu tiền số 0001092 ngày 26/12/2023, bà H phải nộp thêm số tiền 188.656 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị S phải nộp 6.094.328 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

**5.** Quy định: *Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.*

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.*

**6**. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**** Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND Khu vực 3-Khánh Hòa;
- Phòng THADS Khu vực 3-Khánh Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

(đã ký)

**Nguyễn Thị Thanh Hoa**